

Số: 3969/VBHN-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2017

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ ĐIỀU VỀ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2015/NĐ-CP NGÀY 09 THÁNG 7 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM VÀ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM

Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2017.

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Việc làm,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây gọi chung là Nghị định số 61/2015/NĐ-CP).[1](#)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về hồ sơ vay vốn, xây dựng kế hoạch vốn vay và báo cáo kết quả thực hiện cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động.
2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh).
3. Cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến các nội dung quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Hồ sơ vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động

1. Giấy đề nghị vay vốn quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP được thực hiện theo Mẫu số 01a và Mẫu số 01b ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Bản sao giấy tờ chứng minh người lao động thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 12 Luật Việc làm được hướng dẫn như sau:
 - a) Đối với người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú;
 - b) Đối với người khuyết tật là bản sao giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) cấp.

Điều 4. Hồ sơ vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

1. Dự án vay vốn quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP được thực hiện theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Bản sao giấy tờ chứng minh cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 12 Luật Việc làm được hướng dẫn như sau:
 - a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật là bản sao Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp;

b)³ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số bao gồm: danh sách lao động là người dân tộc thiểu số, bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú và bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách;

c)⁴ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số bao gồm: danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số, bản sao giấy xác nhận khuyết tật của những người lao động là người khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp, bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của những người lao động là người dân tộc thiểu số và bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách.

Điều 5. Hồ sơ vay vốn đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Giấy đề nghị vay vốn quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 40 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP được thực hiện theo Mẫu số 03a và Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bản sao giấy tờ chứng minh người lao động thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP được hướng dẫn như sau:

a) Đối với người lao động thuộc hộ cận nghèo được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy đề nghị vay vốn quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Đối với người lao động là thân nhân người có công với cách mạng là bản sao giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Xây dựng kế hoạch vốn vay

1. Trước ngày 10 tháng 7 hằng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và vốn vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Trước ngày 10 tháng 7 hằng năm, cơ quan trung ương của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam xây dựng kế hoạch vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Kế hoạch vốn vay từ Quỹ quốc gia về việc làm bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và ước cả năm;
- Nhu cầu nguồn vốn bổ sung;
- Chỉ tiêu tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;
- Chỉ tiêu hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương);
- Giải pháp thực hiện.

Điều 7. Báo cáo kết quả thực hiện cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm

1. Hằng quý, trước ngày 20 của tháng đầu tiên, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm theo Mẫu số 05 và Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hằng quý, trước ngày 20 của tháng đầu tiên, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm theo Mẫu số 07 và Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hằng quý, trước ngày 20 của tháng đầu tiên, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm theo Mẫu số 09 và Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành⁵

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các quy định về hồ sơ vay vốn có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2015.

2. Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung

một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay đúng đối tượng, bảo đảm mục tiêu giải quyết việc làm và bảo toàn vốn; đối với người lao động thực hiện cho vay trực tiếp hoặc thông qua hộ gia đình.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng CP (để đưa lên trang thông tin điện tử của Chính phủ);
- Công báo (để đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (để đăng tải);
- Lưu VT, Cục Việc làm (3b).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Doãn Mậu Diệp

Mẫu số 01a: Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM
(Cho vay trực tiếp người lao động)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi cư trú:.....

.....

Điện thoại:

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

- Là người khuyết tật ☐

- Là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ☐

Tôi có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để thực hiện dự án:

.....

.

Nơi thực hiện dự án:

.....

.

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm:người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

Vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

để dùng vào việc:, cụ thể như sau:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (đồng)

Thời hạn vay: tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ,
PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

..., ngày ... tháng ... năm ...
Người đề nghị vay vốn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ông/bà:
Hiện đang cư trú hợp pháp tại địa
phương./.

..., ngày ... tháng ... năm ...
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01b6: Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM
(Cho vay người lao động thông qua hộ gia đình)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Điện thoại:.....

Là người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền đại diện cho hộ gia đình cư trú tại:
.....

Tôi đề nghị vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm cho Ông/bà: là
thành viên của hộ gia đình.

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Quan hệ với chủ hộ/người đại diện hộ gia đình:

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

- Là người khuyết tật ☐

- Là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ☐

Để thực hiện dự án:

Nơi thực hiện dự án:

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm:người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

Vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

để dùng vào việc:, cụ thể như sau:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (đồng)

Thời hạn vay: tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

Các ông/bà:
Thuộc hộ gia đình đang cư trú hợp pháp tại địa
phương./.

..., ngày ... tháng ... năm ...
Người đề nghị vay vốn
(Ký và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 027: Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN VAY VỐN

HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại: Fax:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Hoặc hợp đồng hợp tác số:

5. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Quyết định bổ nhiệm số: Ngày: Do: quyết định

Hoặc giấy ủy quyền số: Ngày: Do: ủy quyền

6. Mã số thuế:

7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

Năm:

- Tổng doanh thu: đồng
- Tổng chi phí: đồng
- Thuế: đồng
- Lợi nhuận: đồng

Năm:

- Tổng doanh thu: đồng
- Tổng chi phí: đồng
- Thuế: đồng
- Lợi nhuận: đồng

2. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người
- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người
- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Tên dự án:

Nơi thực hiện dự án:

2. Nội dung dự án

a) Hiện trạng

- Văn phòng/chỉ nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích):

.....
.
- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ):

.....
.
- Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):.....

b) Dự án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:

+ Chi phí mở rộng, cải tạo:

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

c) Phương án sử dụng lao động.

Tổng số lao động:người, trong đó:

- Số người lao động được tạo việc làm (nếu có): người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có):người

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có):người

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có):người.

- Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có):người

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có):người

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có):người.

d) Hiệu quả kinh tế của dự án vay vốn

- Tổng doanh thu:đồng

- Tổng chi phí:đồng

- Lợi nhuận:đồng

e) Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: tháng năm

3. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

để dùng vào việc:

.....

4. Thời hạn vay:tháng

5. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng

- Khấu hao tài sản từ vốn vay:đồng

- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có:đồng

- Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác:đồng

- Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là: đồng

6. Trả gốc: Trả lãi theo:

7. Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có)

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN
-----	-------------	----------	----------------------------	-----------------------

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh:
.....
Có dự án thực hiện tại địa phương./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Mẫu số 03a: Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

(Cho vay trực tiếp người lao động)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi cư trú:

Điện thoại:

Thuộc đối tượng:

- Thuộc hộ cận nghèo ☐

- Thân nhân người có công với cách mạng ☐

Tôi có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số tại quốc gia/vùng lãnh thổ ký ngày với (doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài), địa chỉ trong thời hạn tháng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

Thời hạn vay: tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có):

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người đề nghị vay vốn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ông/bà:

Hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

Thuộc hộ cận nghèo (nếu có)/.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03b8: Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

(Cho vay người lao động thông qua hộ gia đình)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Dân tộc:Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Điện thoại:

Là chủ hộ/người đại diện cho hộ gia đình cư trú tại

.....

Tôi đề nghị vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm cho Ông/bà: là thành viên của hộ gia đình.

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Dân tộc: Giới tính

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Quan hệ với người đại diện hộ gia đình:

Thuộc đối tượng:

- Thuộc hộ cận nghèo ☐

- Thân nhân người có công với cách mạng ☐

Đề đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số tại quốc gia/vùng lãnh thổ ký ngày với (doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài), địa chỉ trong thời hạn..... tháng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền:đồng

(Bằng chữ:)

Thời hạn vay: tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có):

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

..., ngày ... tháng ... năm

Người đề nghị vay vốn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Các ông/bà:

Hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.
Thuộc hộ cận nghèo (nếu có)/.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04: Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

THÂN NHÂN NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

1. Thông tin về thân nhân người có công với cách mạng

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Giới tính:

Nơi đăng ký thường trú:

Quan hệ với người có công với cách mạng (1):

2. Thông tin về người có công với cách mạng

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Giới tính:

Thuộc diện người có công với cách mạng (2):

Số hồ sơ:

Nơi đăng ký thường trú (nếu có):

**Xác nhận của cơ quan có
thẩm quyền (4)**

Ông/bà:
Là thân nhân người có công

..., ngày...tháng...năm...
**Xác nhận của người có công
với cách mạng**
(Ký và ghi rõ họ tên)
(3)

..., ngày...tháng...năm...
Người đề nghị xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)

với cách mạng./.

..., ngày....tháng...năm...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ
tên)

Ghi chú:

(1) Ghi quan hệ người đề nghị xác nhận với người có công với cách mạng: cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi). Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.

(2) Ghi rõ loại đối tượng người có công với cách mạng.

(3) Mục này không áp dụng đối với liệt sĩ, người có công với cách mạng đã từ trần.

(4) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền:

- Trung tâm nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh nặng và người có công xác nhận người có công với cách mạng do Trung tâm quản lý;

- Đơn vị quân đội, công an có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xác nhận người có công với cách mạng do đơn vị quân đội, công an quản lý;

- Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận người có công với cách mạng đối với những trường hợp còn lại đang thường trú tại xã.

.....
kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 củ
hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị đ
H NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ
Ả CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC L
VỀ VIỆC LÀM
(Từ 01/01/ đến .../.../.....)
ính gửi: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện/quận/thị xã/thành phố
Đơn vị

HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ

(Từ 01/01/ đến .../.../.....)

Đơn vị: triệu đồng, tháng, người, %

[illegible]

1			X										
2													
...													
	Tổng				X	X				X	X	X	X
II	Cơ sở sản xuất, kinh doanh												
1			X										
2													
...													
	Tổng				X	X				X	X	X	X
TỔNG CỘNG					X	X				X	X	X	X

..., ngày ... tháng ... năm

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06: Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP

**PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ**
.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC
Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**

(Từ 01/01/ đến .../.../.....)

Kính gửi: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện/quận/thị xã/thành phố
.....

Đơn vị: triệu đồng, tháng, người, %

STT	Họ và tên	Nơi cư trú	Giới tính		Đối tượng		Quốc gia/vùng lãnh thổ đi làm việc theo hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất
			Nam	Nữ	Thuộc hộ cận nghèo	Thân nhân người có công với cách mạng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
...											
TỔNG CỘNG			X	X	X	X			X		

..., ngày ... tháng ... năm

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07: Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH

**XÃ HỘI TỈNH,
THÀNH PHỐ**

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM TỪ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM

(Từ 01/01/ đến .../.../.....)

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố

Đơn vị: triệu đồng, dự án, người

STT	Quận, huyện, thị xã, thành phố	Doanh số cho vay	Số vốn tồn động	Số dự án cho vay							Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm									
				Tổng số	Dự án của người lao động			Dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh				Tổng số	Dự án của người lao động				Dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh			
					Tổng số	Người khuyết tật	Người dân tộc thiểu số	Tổng số	Cơ sở SXKD sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật	Cơ sở SXKD sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số	Cơ sở SXKD sử dụng nhiều người khuyết tật & người dân tộc thiểu số		Tổng số	Lao động nữ	Người khuyết tật	Người dân tộc thiểu số	Tổng số	Lao động nữ	Người khuyết tật	Người dân tộc thiểu số

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1																				
2																				
TỔNG CỘNG		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

..., ngày ... tháng ... năm

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 08: Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP

**CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
TỈNH, THÀNH PHỐ**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC
Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**

(Từ 01/01/ đến .../.../.....)

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố

Đơn vị: triệu đồng, người

STT	Quận, huyện, thị xã, thành phố	Doanh số cho vay	Số vốn tồn động	Số người lao động được vay ưu đãi đi làm việc ở nước ngoài			
				Tổng số	Lao động nữ	Thuộc hộ cận nghèo	Thân nhân người có công với cách mạng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							
TỔNG CỘNG		X	X	X	X	X	X

..., ngày ... tháng ... năm

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 09: Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP

**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM TỪ QUỸ QUỐC GIA
VỀ VIỆC LÀM**

(Từ 01/01/ đến .../.../.....)

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm)

Đơn vị: triệu đồng, dự án, người

STT	Đơn vị	Doanh số cho vay	Số vốn tồn đọng	Số dự án cho vay							Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm									
				Tổng số	Dự án của người lao động			Dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh				Tổng số	Dự án của người lao động				Dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh			
					Tổng số	Người khuyết tật	Người dân tộc thiểu số	Tổng số	Cơ sở SXKD sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật	Cơ sở SXKD sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số	Cơ sở SXKD sử dụng nhiều người khuyết tật & người dân tộc thiểu số		Tổng số	Lao động nữ	Người khuyết tật	Người dân tộc thiểu số	Tổng số	Lao động nữ	Người khuyết tật	Người dân tộc thiểu số

[illegible]

	Việt Nam																			
5	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh																			
6	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam																			
7	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam																			
	Tổng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	TỔNG CỘNG	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

..., ngày ... tháng ... năm

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 10: Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP

**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC
Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**

(Từ 01/01/ đến .../.../.....)

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Quản lý lao động ngoài nước)

Đơn vị: triệu đồng, người

STT	Tỉnh, Thành phố	Doanh số cho vay	Số vốn tồn đọng	Số người lao động được vay ưu đãi đi làm việc ở nước ngoài			
				Tổng số	Lao động nữ	Thuộc hộ cận nghèo	Thân nhân người có công với cách mạng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							
TỔNG CỘNG		X	X	X	X	X	X

..., ngày ... tháng ... năm

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1 Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Việc làm,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây gọi chung là Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH).”

2 Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2017.

3 Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2017.

4 Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2017.

5 Điều 2 của Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2017 quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2017.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn kịp thời./.”

6 Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2017.

7 Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2017.

8 Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2017.